

Bản án số: 267/2023/HNGĐ-ST
Ngày 07 – 11 – 2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hùng

Ông Nguyễn Hoài Phong

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 07 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 466/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 326/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Ú, sinh năm 1973; địa chỉ cư trú: Ấp Tân Ph, xã Tân Tr, huyện Đàm D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1970; địa chỉ cư trú: Ấp Tân Ph, xã Tân Tr, huyện Đàm D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của chị Nguyễn Thị Ú trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:

Chị Ú và anh V chung sống năm 1991, hôn nhân tự nguyện, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường cãi nhau. Chị Ú xác định không thể tiếp tục chung sống cùng anh V nên yêu cầu được ly hôn.

Chị Ú và anh V có 04 con chung tên Nguyễn Thị L, sinh năm 1992; Nguyễn Thị Kh, sinh năm 1994; Nguyễn Văn B, sinh năm 1997 và Nguyễn Hoài N, sinh năm 2000. Hiện các con đã trưởng thành, không ai bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ: Chị Ú xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Lời trình bày của anh Nguyễn Văn V tại Biên bản hòa giải ngày 27/10/2023 thể hiện:*

Anh V thống nhất với lời trình bày của chị Ú về thời gian chung sống, không có đăng ký kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn. Nay chị Ú yêu cầu được ly hôn với anh, anh đồng ý. Về con chung như chị Ú trình bày là đúng, các con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và về nợ anh V cũng xác định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Ú và anh Nguyễn Văn V có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định pháp luật.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Ú thấy rằng: Chị Ú và anh V tự nguyện chung sống từ năm 1991, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, chị Ú yêu cầu được ly hôn, anh V cũng đồng ý ly hôn với chị Ú.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì *“Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng...”*. Đối chiếu với quy định trên, thì hôn nhân giữa chị Ú và anh V không được pháp luật thừa nhận, nên Hội đồng xét xử không công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh chị mà căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Ú và anh V là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Con chung của chị Ú và anh V đã trưởng thành, không ai bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và về nợ: Chị Ú và anh V xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Ú phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị Ú với anh Nguyễn Văn V là vợ chồng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ú phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000547 ngày 11 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi (chị Ú đã nộp xong).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Huỳnh Ngọc Mai

